

# BÁO CÁO THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP

THÁNG 05 NĂM 2024

## Thị trường Sơ cấp:

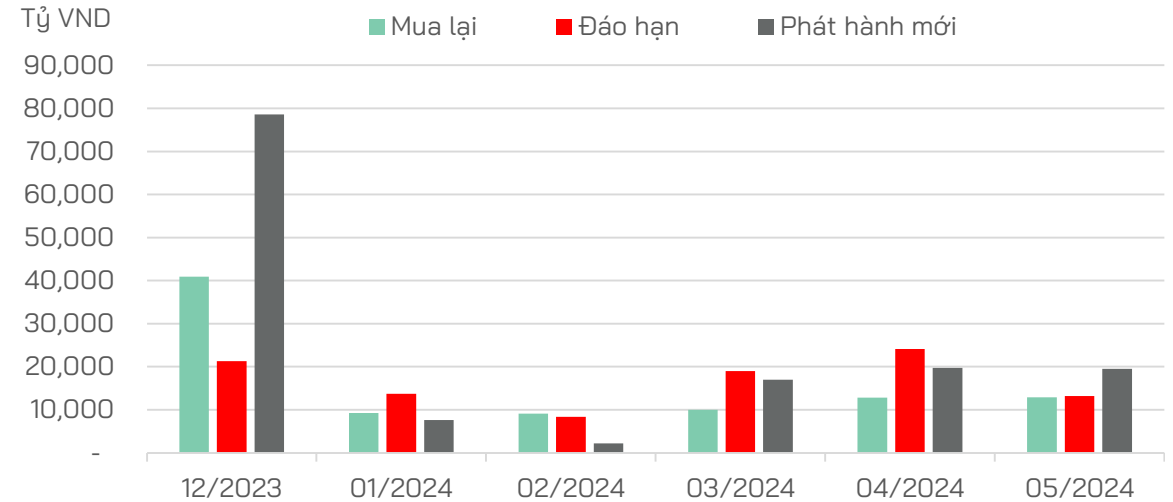
- ❖ **Hoạt động phát hành Trái phiếu mới đi ngang** khi đạt 19,545 tỷ đồng, giảm nhẹ -0.92% so với tháng trước.
- ❖ **Nhóm Ngân hàng đóng góp tích cực nhất trong hoạt động phát hành trái phiếu** với trung bình các tháng đều trên 10 nghìn tỷ đồng. Riêng trong tháng 5, nhóm Ngân hàng đóng góp 20,745 tỷ đồng được phát hành thành công.
- ❖ **VinGroup dẫn đầu lãi suất phát hành trong tháng 5**, VinGroup và Vinhomes là nhóm tổ chức phát hành nổi bật khi đã huy động 4 nghìn tỷ đồng và 2 nghìn tỷ đồng với Coupon bình quân cao nhất 12.5% và 12.0%.
- ❖ **Chênh lệch lãi suất phát hành giữa nhóm Ngân hàng và Bất động sản tiếp tục tăng tháng thứ 3 liên tiếp.** Lãi suất nhóm Ngân hàng giảm mạnh xuống 5.4% so với mức 6.1% của tháng 4, nhóm Bất động sản không có sự thay đổi về lãi suất phát hành.
- ❖ **Ngân hàng dẫn đầu hoạt động mua lại với 11,223 tỷ đồng**, chiếm 86.85% tổng hoạt động mua lại trái phiếu toàn ngành với dẫn đầu trong kỳ tháng này gồm HDBank, MBBank và VietinBank.
- ❖ **Trái phiếu trả chậm có xu hướng tăng trở lại**, chủ yếu đến từ nhóm Bất động sản khi tăng tháng thứ 3 liên tiếp 1,147 tỷ đồng. Trong khi, đáo hạn Trái phiếu giảm mạnh với giá trị đáo hạn chỉ đạt 13,203 tỷ đồng, giảm -45.2% so với tháng trước.

## Thị trường Thứ cấp:

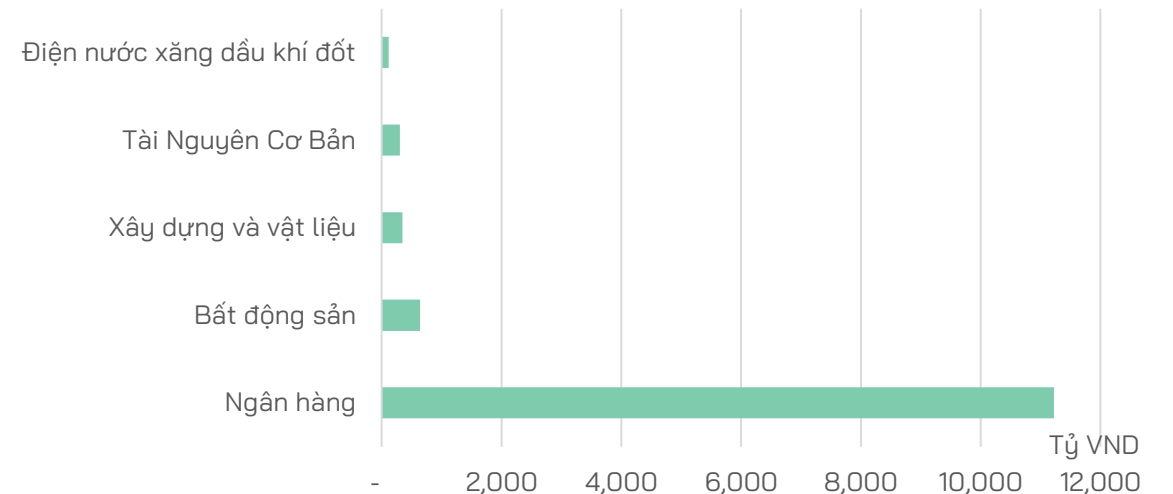
- ❖ **Giao dịch thứ cấp tăng so với tháng trước**, giá trị giao dịch bình quân phiên đạt 5,324.4 tỷ đồng, tăng 36.3% so với tháng trước, chủ yếu vẫn từ các trái phiếu riêng lẻ, trong đó phần lớn là nhóm Ngân hàng và Bất động sản.
- ❖ **Giá trị giao dịch thứ cấp của ngành Ngân hàng tăng mạnh trở lại với 54.6 nghìn tỷ đồng được giao dịch** (so với 33.4 nghìn tỷ đồng trong tháng trước). Mức lợi suất bình quân ở mức 6.64% không có nhiều sự thay đổi so với tháng trước.
- ❖ **Nhóm Bất động sản tăng mạnh lợi tức đầu tư lên mức 9.90%** (từ mức 7.67% trong tháng 4), tổng giá trị thứ cấp của nhóm Bất động sản tăng mạnh lên mức 24.89 nghìn tỷ đồng (từ mức 21.65 nghìn tỷ đồng trong tháng 4).

- **Hoạt động phát hành Trái phiếu mới đi ngang khi đạt 19,545 tỷ đồng, giảm nhẹ -0.92% so với tháng trước.** Trong đó, nổi bật với các nhóm Ngân hàng và Bất động sản như: Techcombank (6,000 tỷ đồng), BIDV (5,545 tỷ đồng), VinGroup (4,000 tỷ đồng) và HDBank (2,000 tỷ đồng). Ngoài ra, nhóm Dịch vụ Tài chính cũng đóng góp 2,000 tỷ đồng phát hành như TCBS (1,000 tỷ đồng), Chứng khoán Rồng Việt (800 tỷ đồng) và MBS (300 tỷ đồng).
- **Nhóm Ngân hàng đóng góp tích cực nhất trong hoạt động phát hành trái phiếu** với trung bình các tháng đều trên 10 nghìn tỷ đồng. Riêng trong tháng 5, nhóm Ngân hàng đóng góp 20,745 tỷ đồng được phát hành thành công.
- **VinGroup dẫn đầu lãi suất phát hành trong tháng 5**, VinGroup và Vinhomes là nhóm tổ chức phát hành nổi bật khi đã huy động 4 nghìn tỷ đồng và 2 nghìn tỷ đồng với Coupon bình quân cao nhất 12.5% và 12.0%.
- **Ngân hàng dẫn đầu hoạt động mua lại với 11,223 tỷ đồng**, chiếm 86.85% tổng hoạt động mua lại trái phiếu toàn ngành với dẫn đầu trong kỳ tháng này gồm HDBank, MBBank và VietinBank. Hoạt động mua lại trái phiếu trải đều với 9/10 tổ chức phát hành mua lại nhiều nhất đều thuộc nhóm Ngân hàng.
- **Đáo hạn Trái phiếu giảm mạnh trong tháng 05.2024:** Giá trị đáo hạn chỉ đạt 13,203 tỷ đồng, giảm -45.2% so với tháng trước.

## Hoạt động giao dịch trái phiếu trong tháng 5/2024

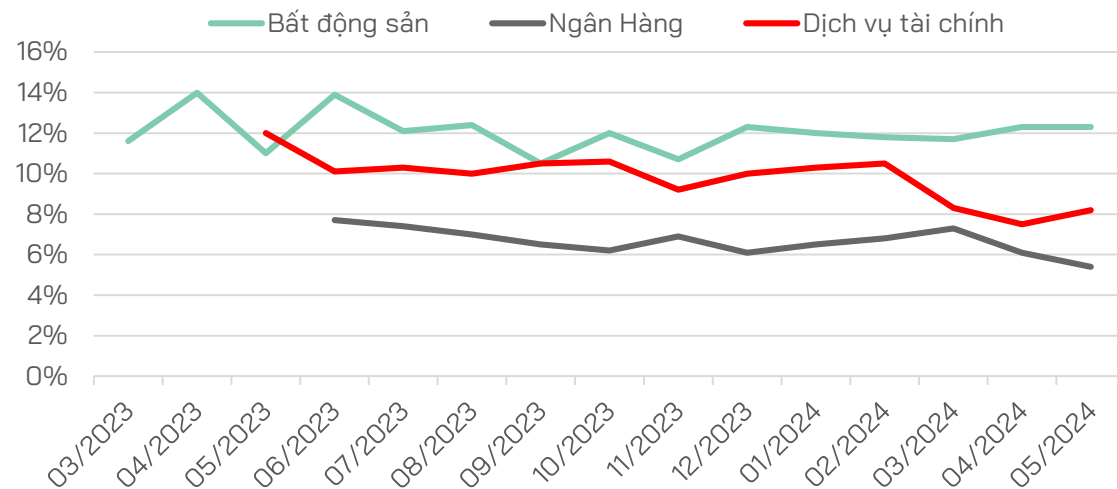


## Hoạt động mua lại trái phiếu theo nhóm ngành

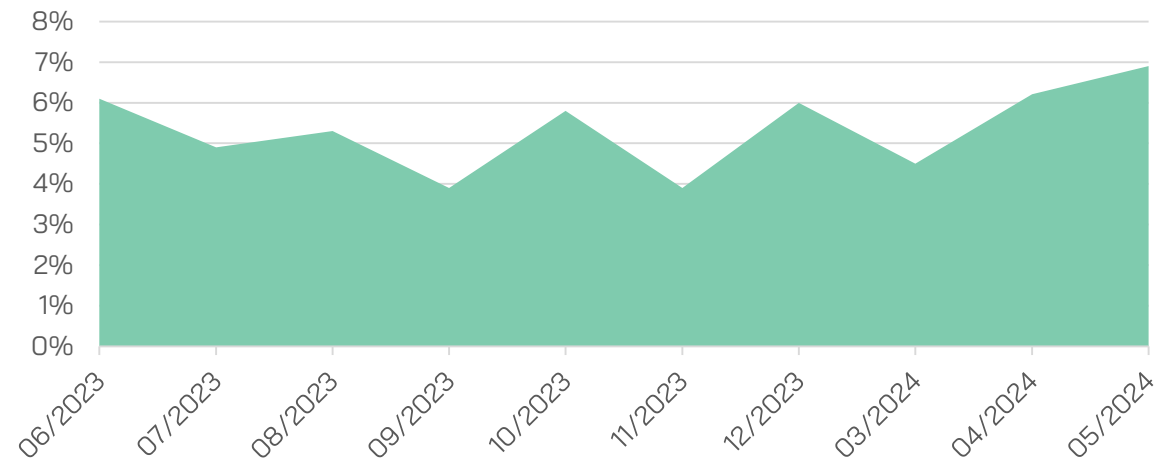


- **Lãi suất nhóm Ngân hàng giảm mạnh** từ 6.1% trong tháng 4 xuống còn 5.4% trong tháng 5 (trong khi giá trị phát hành và kỳ hạn phát hành không có nhiều chênh lệch). Ngược lại, nhóm Dịch vụ Tài chính lại tăng mạnh lãi suất từ 7.5% lên mức 8.2%, nhóm Bất động sản không có sự thay đổi về lãi suất phát hành.
- **Chênh lệch lãi suất phát hành giữa hai nhóm Ngân hàng và Bất động sản tiếp tục có xu hướng tăng dần tháng thứ 3 liên tiếp:** lãi suất nhóm Ngân hàng phát hành giảm 0.8% khiến chênh lệch giữa nhóm Bất động sản với nhóm Ngân hàng tiếp tục tăng mạnh từ 6.2% trong tháng 4 lên 6.9% trong tháng 5, tỷ lệ cao nhất trong vòng 12 tháng trở lại. Lưu ý, tỷ lệ trên sẽ phản ánh mức độ chênh lệch phần bù rủi ro giữa 2 nhóm ngành này.
- **Trái phiếu trả chậm có xu hướng tăng trở lại,** chủ yếu đến từ nhóm Bất động sản khi tăng tháng thứ 3 liên tiếp lên mức 1,147 tỷ đồng. Trong đó, trái phiếu công bố chậm trả là CTCP Kinh Doanh Nhà Sunshine, trái phiếu này có ngày gia hạn vào 13/05/2024 và có một số trái chủ (năm giữ 87 tỷ đồng mệnh giá) không đồng ý gia hạn. Tổ chức phát hành này hiện đang được chấp thuận của đa số trái chủ không thanh lý tài sản bảo đảm trong trường hợp phát sinh chậm trả.

## Diễn biến lãi suất các nhóm chính

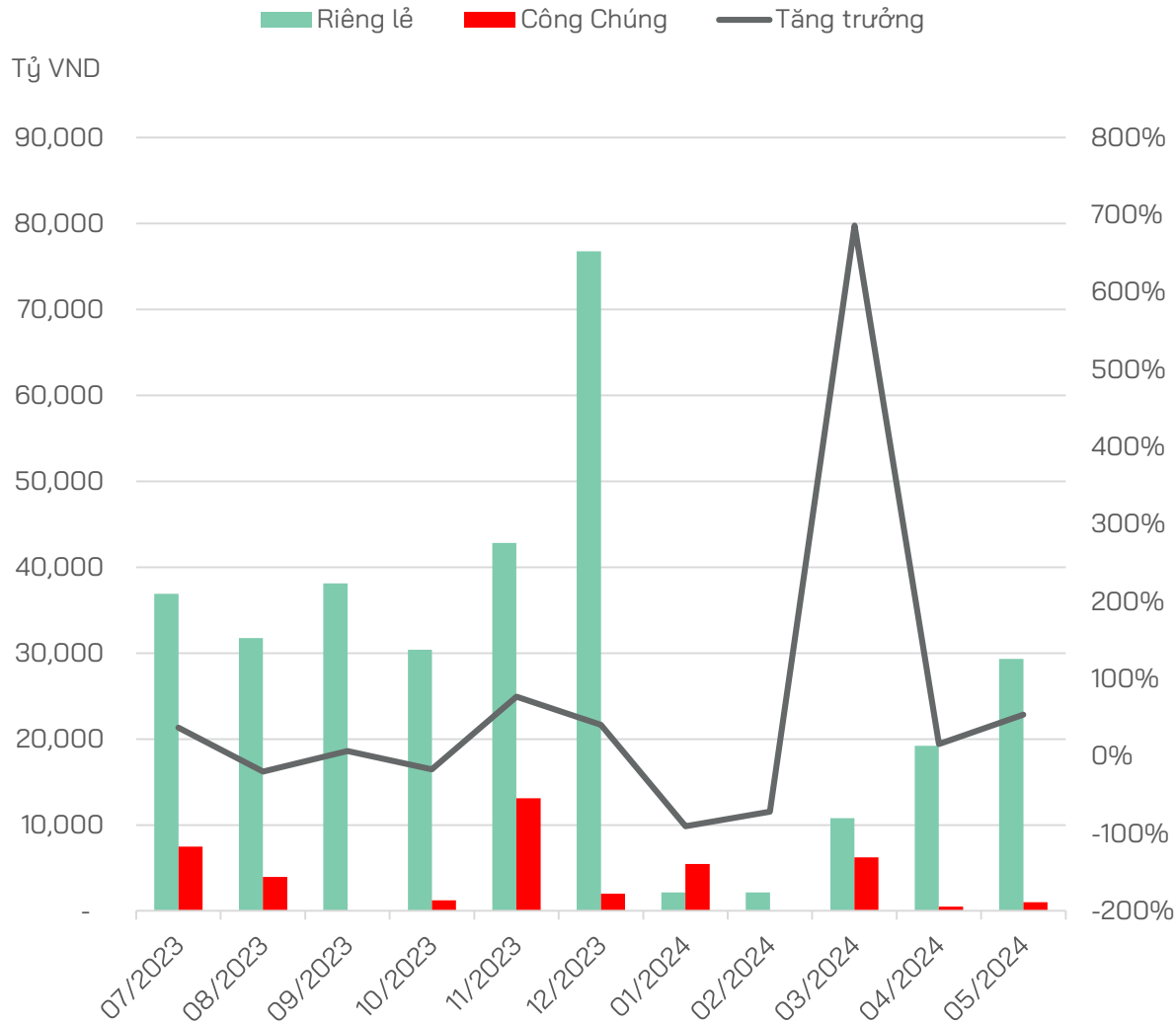


## Chênh lệch lãi suất phát hành giữa nhóm BĐS và Ngân hàng

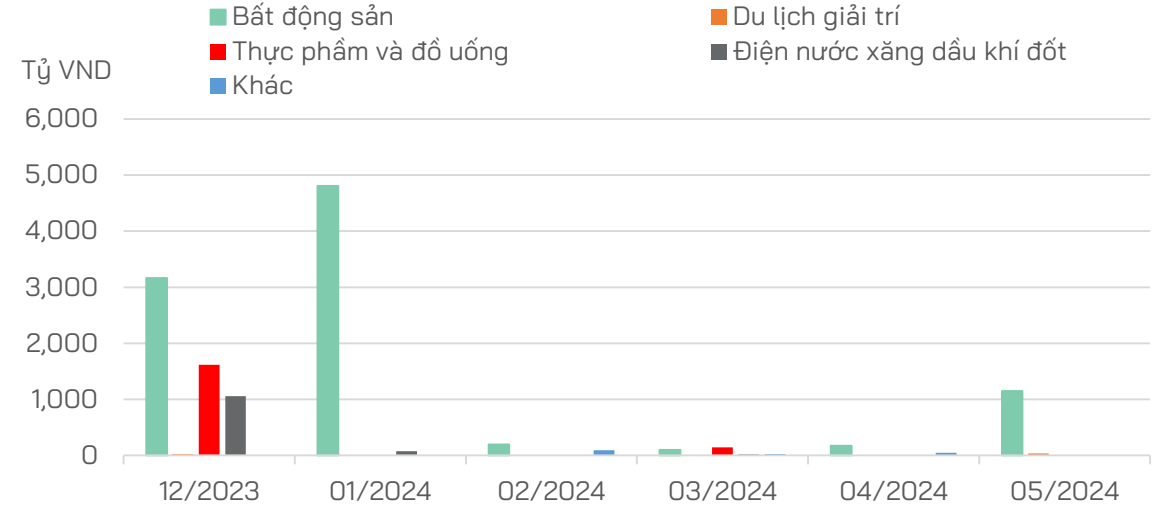


# Thị trường Sơ cấp: Giá trị phát hành riêng lẻ liên tục tăng từ đầu năm

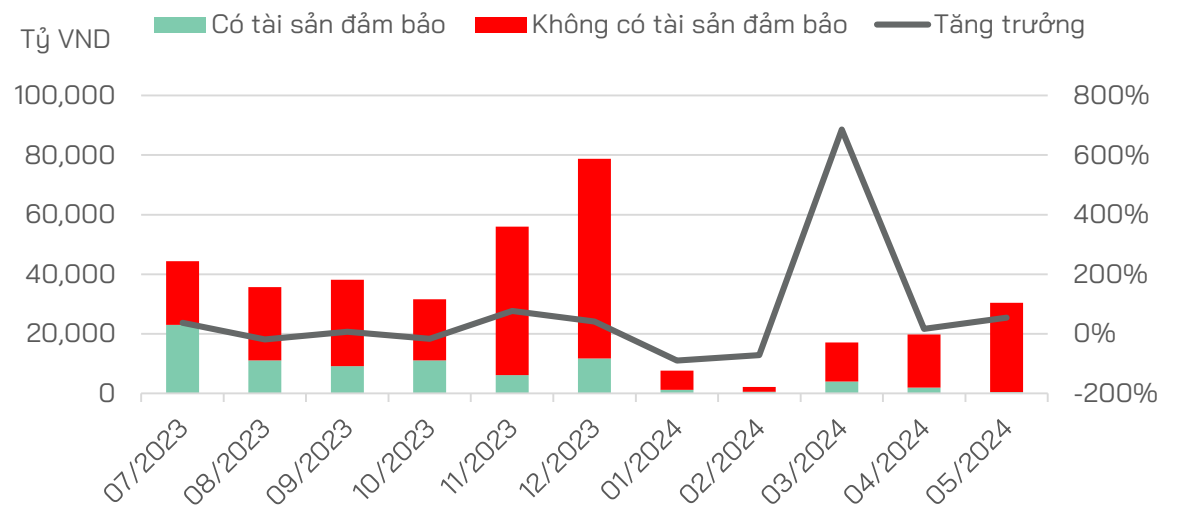
## Giá trị phát hành trái phiếu



## Tình hình các trái phiếu trả chậm theo ngành



## Trái phiếu phát hành theo tài sản đảm bảo



# Thị trường Sơ cấp: Thông tin Trái phiếu đã phát hành trong tháng 5

STT	Mã Trái phiếu	Tổ chức phát hành	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn	Giá trị phát hành (Tỷ VND)	Lãi suất Coupon (%)	Kiểu lãi suất Coupon
1	NABL2427001	Ngân hàng Nam Á	31/05/2024	31/05/2027	3 Năm	1,000	5.30%	Cố định
2	HCVCL2427001	Home Credit Việt Nam	31/05/2024	31/05/2027	3 Năm	1,000	7.40%	Kết hợp
3	TPB12402	TPBank	31/05/2024	31/05/2027	3 Năm	1,000	5.10%	Cố định
4	TPB12401	TPBank	30/05/2024	30/05/2027	3 Năm	1,000	5.10%	Cố định
5	TCB12404	Techcombank	30/05/2024	30/05/2027	3 Năm	3,000	4.90%	Cố định
6	BID12413	BIDV	30/05/2024	30/05/2031	7 Năm	50	5.77%	Thả nổi
7	BIDL2444009	BIDV	30/05/2024	30/05/2044	20 Năm	200	6.50%	Cố định
8	SBVCL2427002	Shinhan Việt Nam	29/05/2024	31/05/2027	3 Năm	1,000	5.40%	Cố định
9	BIDL2432008	BIDV	29/05/2024	29/05/2032	8 Năm	2,000	5.87%	Thả nổi
10	BIDLH2431007	BIDV	28/05/2024	28/05/2031	7 Năm	700	5.77%	Thả nổi
11	SBVCL2427001	Shinhan Việt Nam	27/05/2024	27/05/2027	3 Năm	1,000	5.40%	Cố định
12	MBB12414	MBBank	27/05/2024	27/05/2031	7 Năm	200	6.18%	Thả nổi
13	TCB12403	Techcombank	27/05/2024	27/05/2027	3 Năm	1,500	4.50%	Cố định
14	TCX124013	Chứng khoán TCBS	27/05/2024	27/11/2025	18 Tháng	500	8.00%	Kết hợp
15	BID12408	BIDV	24/05/2024	24/05/2031	7 Năm	50	5.77%	Thả nổi
16	BID12409	BIDV	24/05/2024	24/05/2032	8 Năm	300	5.92%	Thả nổi
17	BID12407	BIDV	22/05/2024	22/05/2032	8 Năm	50	5.92%	Thả nổi
18	BIDLH2431003	BIDV	22/05/2024	22/05/2031	7 Năm	245	5.77%	Thả nổi
19	BID12405	BIDV	21/05/2024	21/05/2039	15 Năm	1,000	6.50%	Cố định
20	BAB12403	Ngân hàng Bắc Á	21/05/2024	21/05/2027	3 Năm	500	5.20%	Cố định
21	HCMCH2429001	Hoàng Trúc Mỹ	21/05/2024	21/05/2029	5 Năm	200	12.00%	Kết hợp
22	MBS12404	Chứng khoán MB	20/05/2024	20/05/2027	3 Năm	300	6.90%	Kết hợp
23	F88CH2425003	Kinh doanh F88	17/05/2024	17/05/2025	1 Năm	50	11.00%	Cố định
24	MSB12403	MSB Bank	16/05/2024	16/05/2027	3 Năm	1,000	3.90%	Cố định
25	VDSH2425002	Chứng khoán Rồng Việt	15/05/2024	15/05/2025	1 Năm	800	8.00%	Cố định
26	VHM12405	Vinhomes	15/05/2024	15/05/2026	2 Năm	2,000	12.00%	Cố định
27	BAB12402	Ngân hàng Bắc Á	15/05/2024	15/05/2027	3 Năm	500	5.10%	Cố định
28	VIC12404	VinGroup	13/05/2024	13/05/2026	2 Năm	2,000	12.50%	Kết hợp
29	BID12404	BIDV	10/05/2024	10/05/2031	7 Năm	950	5.77%	Thả nổi
30	TCB12402	Techcombank	10/05/2024	10/05/2027	3 Năm	1,500	4.80%	Cố định
31	TCX124011	Chứng khoán TCBS	09/05/2024	09/11/2025	18 Tháng	500	8.00%	Kết hợp
32	HDB12403	HDBank	09/05/2024	09/05/2027	3 Năm	2,000	4.80%	Cố định
33	TD2439031	Kho Bạc Nhà Nước	09/05/2024	09/05/2039	15 Năm	1,755	2.70%	Cố định
34	VIC12403	VinGroup	07/05/2024	07/05/2026	2 Năm	2,000	12.50%	Kết hợp
35	F8812404	Kinh doanh F88	03/05/2024	03/05/2025	1 Năm	50	11.50%	Cố định
36	IDT12401	Công ty LD TT	03/05/2024	03/05/2027	3 Năm	200	11.00%	Cố định

# Thị trường Sơ cấp: Thống kê giá trị phát hành mới trong tháng 6 theo nhóm ngành

	Tổng			Cố định			Thả nổi và Kết hợp		
Ngành	Giá trị (Tỷ VND)	Kỳ hạn BQ (năm)	Coupon BQ (%)	Giá trị (Tỷ VND)	Kỳ hạn BQ (năm)	Coupon BQ (%)	Giá trị (Tỷ VND)	Kỳ hạn BQ (năm)	Coupon BQ (%)
<b>Xây dựng và Vật liệu</b>	<b>200</b>	<b>3.0</b>		<b>200</b>	<b>3.0</b>				
Kỳ hạn 3-5 năm	200	3.0		200	3.0				
<b>Bất động sản</b>	<b>6,200</b>	<b>2.1</b>	<b>12.58%</b>	<b>2,000</b>	<b>2.0</b>	<b>12.00%</b>	<b>4,200</b>	<b>2.1</b>	<b>12.86%</b>
Kỳ hạn 1-3 năm	6,000	2.0	12.67%	2,000	2.0	12.00%	4,000	2.0	13.01%
Kỳ hạn 5-7 năm	200	5.0	9.85%				200	5.0	9.85%
<b>Dịch vụ tài chính</b>	<b>3,200</b>	<b>2.0</b>	<b>7.61%</b>	<b>900</b>	<b>1.0</b>	<b>8.36%</b>	<b>2,300</b>	<b>2.3</b>	<b>7.31%</b>
Kỳ hạn 1-3 năm	1,900	1.3	7.92%	900	1.0	8.36%	1,000	1.5	7.52%
Kỳ hạn 3-5 năm	1,300	3.0	7.15%				1,300	3.0	7.15%
<b>Ngân hàng</b>	<b>20,745</b>	<b>4.7</b>	<b>5.46%</b>	<b>16,200</b>	<b>4.0</b>	<b>5.16%</b>	<b>4,545</b>	<b>7.5</b>	<b>6.39%</b>
Kỳ hạn 3-5 năm	15,000	3.0	5.04%	15,000	3.0	5.04%			
Kỳ hạn hơn 7 năm	5,745	9.3	6.41%	1,200	15.8	6.50%	4,545	7.5	6.39%

Nguồn: FiinX, HDS tổng hợp

# Thị trường Sơ cấp: Thông tin Trái phiếu phát hành trong tháng 6

Các Trái phiếu đã phát hành thành công trong tháng 6 (cập nhật đến 15/06)

STT	Mã Trái phiếu	Tổ chức phát hành	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn trái phiếu	Giá trị phát hành (Tỷ VND)	Lãi suất Coupon (%)
1	TD2454046	Kho Bạc Nhà Nước	13/06/2024	13/06/2054	30 Năm	70	3.10%
2	SBVCL2426006	Shinhan Việt Nam	13/06/2024	13/06/2026	2 Năm	1,000	5.10%
3	SBVCL2426005	Shinhan Việt Nam	12/06/2024	12/06/2026	2 Năm	1,000	5.10%
4	TCBL2427005	Techcombank	11/06/2024	11/06/2027	3 Năm	5,000	
5	BABL2427005	Ngân hàng Bắc Á	10/06/2024	10/06/2027	3 Năm	500	5.50%
6	OCBL2427001	Ngân hàng Phương Đông	10/06/2024	10/06/2027	3 Năm	1,300	5.40%
7	SBVCL2426004	Shinhan Việt Nam	10/06/2024	10/06/2026	2 Năm	1,000	5.10%
8	HDBL2431002	HDBank	07/06/2024	07/06/2031	7 Năm	300	7.47%
9	HCVCL2426003	Home Credit Việt Nam	06/06/2024	06/06/2026	2 Năm	500	
10	BAB12404	Ngân hàng Bắc Á	06/06/2024	06/06/2027	3 Năm	1,000	4.70%
11	HCVCL2426002	Home Credit Việt Nam	05/06/2024	05/06/2026	2 Năm	500	7.00%
12	SBVCL2426003	Shinhan Việt Nam	05/06/2024	05/06/2026	2 Năm	1,000	5.10%
13	MSBL2427004	MSB Bank	05/06/2024	05/06/2027	3 Năm	2,000	5.30%
14	ACBL2426002	ACB	05/06/2024	05/06/2026	2 Năm	5,000	4.50%
15	IPA12401	Tập đoàn Đầu tư I.P.A	05/06/2024	05/06/2029	5 Năm	317	9.50%
16	ACBL2426001	ACB	04/06/2024	04/06/2026	2 Năm	5,000	4.50%

## Top tổ chức phát hành trong tháng 6

Tổ chức phát hành	Ngành	GT phát hành (Tỷ VND)	Kỳ hạn BQ (Năm)	Lãi suất Coupon BQ
ACB	Ngân hàng	10,000	2.0	4.50%
Techcombank	Ngân hàng	5,000	3.0	
Shinhan Việt Nam	Ngân hàng	4,000	2.0	5.10%
MSB Bank	Ngân hàng	2,000	3.0	5.30%
Ngân hàng Bắc Á	Ngân hàng	1,500	3.0	4.97%
Ngân hàng Phương Đông	Ngân hàng	1,300	3.0	5.40%
Home Credit Việt Nam	Dịch vụ tài chính	1,000	2.0	6.89%
Tập đoàn Đầu tư I.P.A	Hàng & DV Công nghiệp	317	5.0	9.50%
HDBank	Ngân hàng	300	7.0	7.47%

## Các Trái phiếu dự kiến phát hành trong tháng 6

Thời gian	Mã TP	TCPH	GT phát hành (Tỷ VND)	Kỳ hạn (Năm)	Coupon (%)
30/06/2024	HDB_BOND2023_3	HDBank	1,000	7.0	
30/06/2024	BAB201-07L	Ngân hàng Bắc Á	900	7.0	
30/06/2024	BAB201-07C	Ngân hàng Bắc Á	600	7.0	
30/06/2024	BAB201-08C	Ngân hàng Bắc Á	500	8.0	
30/06/2024	TCX124013	Chứng khoán TCBS	500	1.0	7.73%

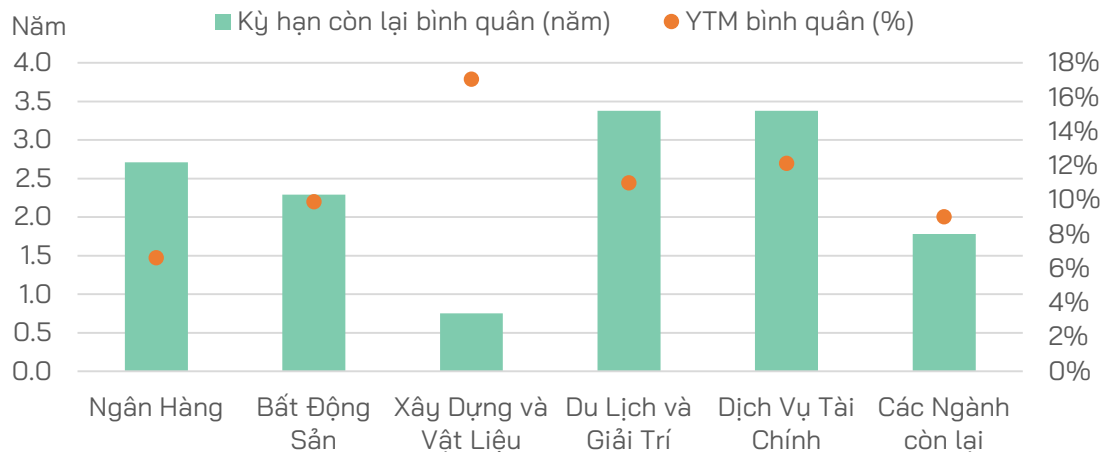
Nguồn: FiinX, HDS tổng hợp



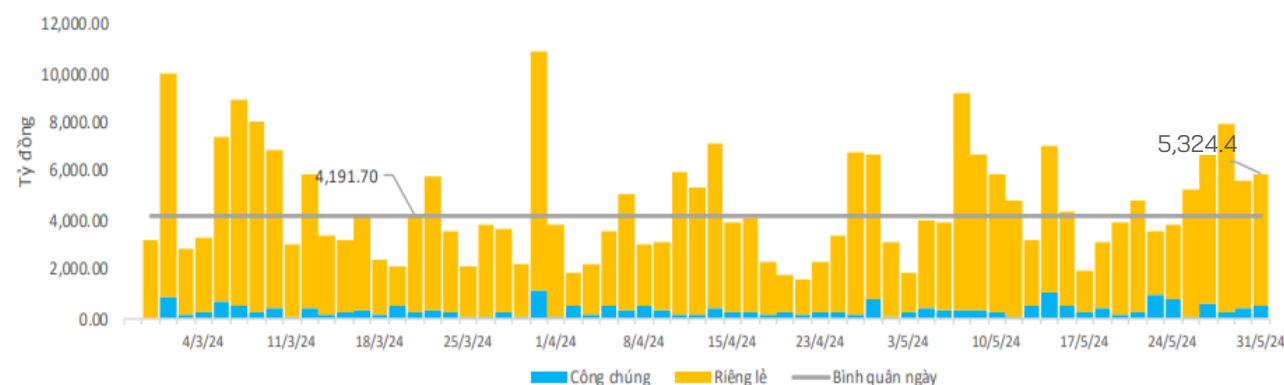
# Thị trường Thứ cấp: Giá trị giao dịch thứ cấp tăng

- **Giao dịch thứ cấp tăng so với tháng trước**, giá trị giao dịch bình quân phiên đạt 5,324.4 tỷ đồng, tăng 36.3% so với tháng trước, chủ yếu vẫn từ các trái phiếu riêng lẻ.
- **Nhóm Ngân hàng và Bất động sản vẫn chiếm phần lớn** khối lượng giao dịch trong tháng 5 với tỷ trọng lần lượt ở mức 51.3% và 23.4%.

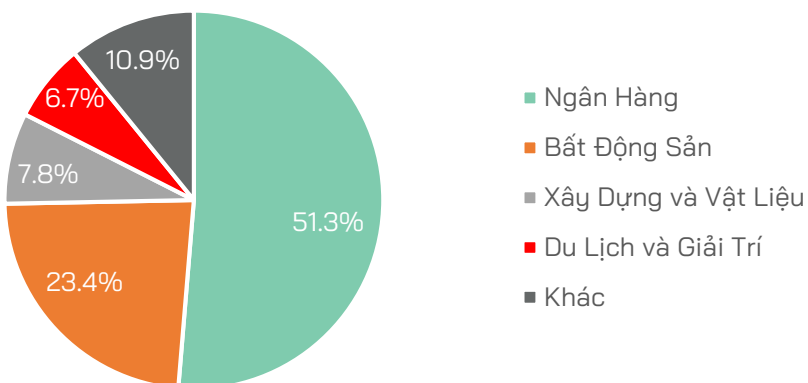
## Tương quan lãi suất thị trường thứ cấp và các kỳ hạn còn lại



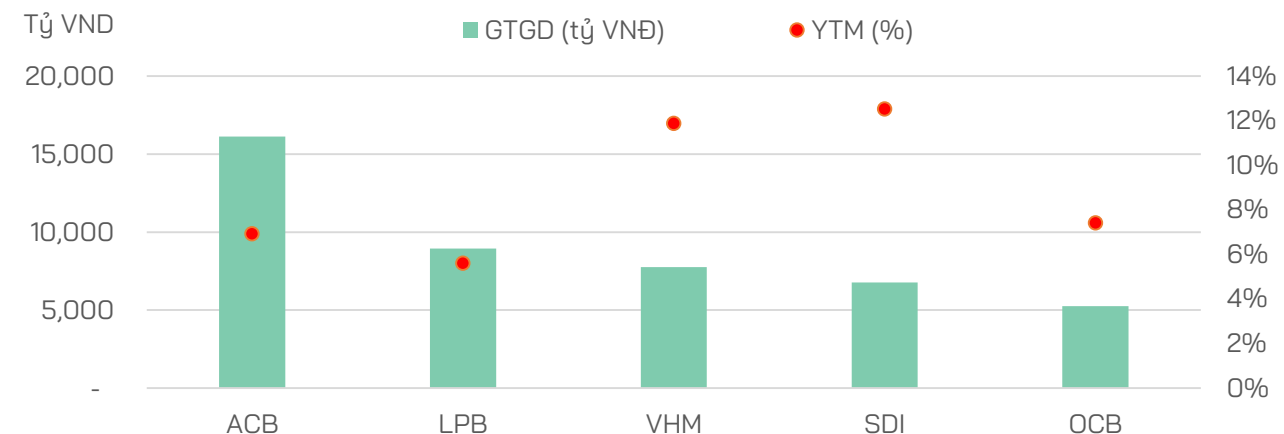
## Thanh khoản thị trường thứ cấp



## Giá trị phát hành theo ngành



## Top 5 TCPH có trái phiếu giao dịch nhiều nhất trên thứ cấp



\* YTM (Yield to Maturity): Lợi suất Đáo hạn

# Thị trường Thứ cấp: Ngân hàng tăng về giá trị giao dịch và BĐS tăng về lợi tức đầu tư

- **Giá trị giao dịch thứ cấp của ngành Ngân hàng tăng mạnh trở lại** với 54.6 nghìn tỷ đồng được giao dịch (so với 33.4 nghìn tỷ đồng trong tháng trước). Mức lợi suất bình quân ở mức 6.64% không có nhiều sự thay đổi so với tháng trước (6.62% trong tháng 4).
- **Nhóm Bất động sản tăng mạnh lợi tức đầu tư lên mức 9.90%** (từ mức 7.67% trong tháng 4), tổng giá trị thứ cấp của nhóm BĐS tăng mạnh lên mức 24.89 nghìn tỷ đồng (từ mức 21.65 nghìn tỷ đồng trong tháng 4).
- **Nhóm Xây dựng và Vật liệu cũng chứng kiến mức tăng lãi suất** từ 11.47% lên mức 17.06% trong kỳ hiện tại.

Ngành	Tổng GTGD (Tỷ VND)	GTGD TP Công chứng (Tỷ VND)	GTGD TP Riêng lẻ (Tỷ VND)	KHCL bình quân (Năm)	YTM bình quân
<b>Ngân hàng</b>	<b>54,645</b>	<b>2,276</b>	<b>52,368</b>	<b>2.7</b>	<b>6.64%</b>
Kỳ hạn <1 năm	1,845		1,845	0.5	5.08%
Kỳ hạn 1-3 năm	39,758		39,758	1.8	6.67%
Kỳ hạn 3-5 năm	180	6	174	4.4	6.66%
Kỳ hạn 5-7 năm	9,150	2,162	6,988	6.1	6.59%
Kỳ hạn ≥ 7 năm	3,711	108	3,603	7.5	7.20%
<b>Bất động sản</b>	<b>24,888</b>	<b>4,909</b>	<b>19,980</b>	<b>2.3</b>	<b>9.90%</b>
Kỳ hạn <1 năm	2,787	808	1,978	0.5	10.80%
Kỳ hạn 1-3 năm	19,574	4,100	15,474	2.2	10.22%
Kỳ hạn 3-5 năm	2,527		2,527	4.3	7.35%
<b>Dịch vụ tài chính</b>	<b>5,396</b>	<b>96</b>	<b>5,300</b>	<b>3.4</b>	<b>12.15%</b>
Kỳ hạn <1 năm	849	34	815	0.3	6.04%
Kỳ hạn 1-3 năm	680	62	617	1.3	7.86%
Kỳ hạn 3-5 năm	3,867		3,867	4.4	14.12%
<b>Công nghệ Thông tin</b>	<b>84</b>		<b>84</b>	<b>1.0</b>	<b>41.79%</b>
Kỳ hạn 1-3 năm	84		84	1.0	41.79%

Ngành	Tổng GTGD (Tỷ VND)	GTGD TP công chứng (Tỷ VND)	GTGD TP Riêng lẻ (Tỷ VND)	KHCL bình quân (Năm)	YTM bình quân
<b>Tài nguyên Cơ bản</b>	<b>439</b>	<b>0.7</b>	<b>438</b>	<b>3.1</b>	<b>9.41%</b>
Kỳ hạn <1 năm	14	0.6	13	0.3	8.68%
Kỳ hạn 3-5 năm	425	0.1	425	3.2	9.43%
<b>Xây dựng và Vật liệu</b>	<b>8,283</b>	<b>812</b>	<b>7,471</b>	<b>0.8</b>	<b>17.06%</b>
Kỳ hạn <1 năm	7,215	312	6,903	0.6	17.78%
Kỳ hạn 1-3 năm	534	58	476	2.0	9.32%
Kỳ hạn 3-5 năm	92		92	3.2	10.29%
Kỳ hạn ≥ 7 năm	442	442		9.7	5.18%
<b>Hàng &amp; Dịch vụ Công nghiệp</b>	<b>1,873</b>		<b>1,873</b>	<b>0.9</b>	<b>8.40%</b>
Kỳ hạn <1 năm	1,591		1,591	0.7	7.84%
Kỳ hạn 1-3 năm	198		198	1.6	12.02%
Kỳ hạn 3-5 năm	84		84	3.0	10.44%
<b>Ô tô và phụ tùng</b>	<b>1,541</b>		<b>1,541</b>	<b>0.8</b>	<b>8.46%</b>
Kỳ hạn <1 năm	1,098		1,098	0.6	7.97%
Kỳ hạn 1-3 năm	443		443	1.3	9.66%
<b>Thực phẩm và đồ uống</b>	<b>956</b>	<b>565</b>	<b>391</b>	<b>3.2</b>	<b>8.96%</b>
Kỳ hạn 1-3 năm	395	307	87	2.6	9.94%
Kỳ hạn 3-5 năm	561	258	304	3.4	8.63%
<b>Hàng cá nhân &amp; Gia dụng</b>	<b>14</b>	<b>14</b>		<b>2.0</b>	<b>8.90%</b>
Kỳ hạn 1-3 năm	14	14		2.0	8.90%
<b>Du lịch và Giải trí</b>	<b>7,096</b>	<b>68</b>	<b>7,028</b>	<b>3.4</b>	<b>11.00%</b>
Kỳ hạn <1 năm	186	68	118	0.5	6.93%
Kỳ hạn 1-3 năm	2,542		2,542	2.4	9.80%
Kỳ hạn 3-5 năm	4,368		4,368	4.0	11.81%
<b>Điện, nước &amp; xăng dầu khí đốt</b>	<b>1,272</b>	<b>166</b>	<b>1,107</b>	<b>3.6</b>	<b>8.29%</b>
Kỳ hạn <1 năm	455	166	289	0.4	7.99%
Kỳ hạn 1-3 năm	264		264	2.4	10.03%
Kỳ hạn 3-5 năm	62		62	4.6	7.70%
Kỳ hạn 5-7 năm	490		490	6.2	7.61%

## Thị trường Thứ cấp: Top các mã trái phiếu có giá trị giao dịch lớn nhất

- Mã ISD12101 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sài Gòn (SDI) là mã có lượng giao dịch nhiều nhất đạt 6,768 tỷ đồng với lợi suất bình quân 10.52%. Trong top các mã trái phiếu có giá trị giao dịch lớn nhất trên thứ cấp, mã SGJ12301 của Sài Gòn Capital là trái phiếu có lợi suất YTM cao nhất 14.51% với 1,127 tỷ đồng giao dịch trong tháng 5.
- ACB là tổ chức phát hành có giá trị giao dịch thứ cấp nhiều nhất với hơn 16 nghìn tỷ đồng được giao dịch trong tháng 5 với mức lợi suất bình quân 6.9%. Ngoài ra, Vinhomes và SDI vẫn nằm trong top 5 Tổ chức phát hành được giao dịch nhiều nhất với mức lợi suất tăng lần lượt từ 10.71% và 12.02% lên 11.9% và 12.5%.

STT	Mã Trái phiếu	Tổ chức phát hành	Loại Coupon	YTM	+/- YTM	Tổng giá trị (Tỷ VND)	Giá sạch (VND)	Giá bản (VND)
1	IDS12101	Đầu tư và Phát triển Sài Gòn SDI	Kết hợp	10.52%	-1.80%	6,768	101,361	103,471
2	LPB12301	LienVietPostBank	Cố định	5.20%	-0.01%	5,615	999,989,659	1,021,443,211
3	ACB12324	ACB	Cố định	6.33%	0.00%	5,143		102,914,614
4	ACB12302	ACB	Cố định	6.64%	-0.03%	4,337	99,847,841	105,069,152
5	ACB12303	ACB	Cố định	7.30%	0.00%	3,128		104,196,401
6	TPB12312	TPBank	Cố định	9.12%	0.01%	2,888	97,004,572	103,561,949
7	HDR12402	Đầu Tư Và Phát Triển Bds Hải Đăng	Kết hợp	6.23%	-0.35%	2,753		102,489,041
8	ACB12304	ACB	Cố định	7.29%	0.00%	2,602		104,027,425
9	VIC124005	VinGroup	Kết hợp	11.88%	0.01%	2,590		101,449
10	VHM12305	Vinhomes	Cố định	8.75%	-0.15%	2,429		104,785,192
11	LPB12305	LienVietPostBank	Cố định	6.79%	0.28%	2,300		1,046,389,041
12	OCB12320	Ngân hàng Phương Đông	Cố định	7.50%	0.09%	2,129	1,000,179,654	1,065,753,424
13	TCB12316	Techcombank	Cố định	5.95%	0.31%	2,004	981,729,091	1,002,018,708
14	SGJ12303	Sài Gòn Capital	Kết hợp	13.92%	0.31%	1,932		100,000,000
15	VHM12401	Vinhomes	Cố định	10.69%	0.39%	1,538	103,190,317	105,393,057
16	VHM12403	Vinhomes	Cố định	9.49%	0.07%	1,318	104,265,832	105,778,161
17	VHM12404	Vinhomes	Cố định	11.92%	0.00%	1,216	100,151,774	101,335,336
18	XD312301	Phát triển Kinh doanh Xây dựng 3	Kết hợp	6.40%	6.40%	1,152	111,455,134	115,189,928
19	SGJ12301	Sài Gòn Capital	Kết hợp	14.51%	1.43%	1,127		99,654,673
20	VHM121025	Vinhomes	Kết hợp	7.78%	0.65%	1,125	99,954	100,100

## Thị trường Thứ cấp: Top Thanh khoản theo Tổ chức phát hành

Tổ chức phát hành	Mã	GTGD (Tỷ VND)	Kỳ hạn còn lại (năm)	YTM	+/- YTM	Giá sạch bình quân (VND)	Thay đổi giá sạch (%)	Giá bản bình quân (VND)	Thay đổi giá bản (%)
ACB	ACB	16,127	14.4	6.93%	-0.06%	102,116,858	0.09%	103,717,648	0.49%
LienVietPostBank	LPB	8,948	25.7	5.60%	0.06%	1,012,237,342	0.34%	1,025,544,730	0.34%
Vinhomes	VHM	7,751	28.1	11.88%	0.58%	99,628,640	-1.49%	100,515,016	-0.57%
Đầu tư và Phát triển Sài Gòn SDI	301707699	6,768	6.0	12.53%	0.99%	100,214	-0.51%	102,040	0.27%
Ngân hàng Phương Đông	OCB	5,247	21.5	7.41%	1.20%	1,007,237,915	-3.36%	1,049,814,433	2.97%
HDBank	HDB	4,786	52.5	6.69%	0.29%	341,370,682	-2.38%	351,561,361	-2.38%
Sài Gòn Capital	315845226	3,617	52.5	14.51%	-3.66%	98,392,540	6.19%	98,392,540	6.19%
TPBank	TPB	3,291	21.9	8.69%	-5.58%	96,976,949	3.89%	102,874,231	-0.92%
Techcombank	TCB	3,023	18.4	5.53%	1.24%	994,266,733	-3.65%	1,007,717,492	-1.66%
Đầu Tư Và Phát Triển Bds Hải Đăng	901126015	2,796	33.2	6.42%	1.99%	102,012,261	0.19%	102,012,261	0.19%
Vietjet Air	VJC	2,684	54.2	11.02%	0.43%	101,018,187	-4.71%	101,932,244	-4.71%
Vietcombank	VCB	2,423	64.5	5.63%	-0.87%	1,007,375,683	2.06%	1,034,018,325	-0.54%
BIDV	BID	2,066	75.7	6.23%	-0.54%	693,148,475	11.76%	713,577,608	3.15%
ĐT và PT Du lịch Phú Quốc	1701971178	1,628	36.5	13.24%	-0.22%	99,663	0.54%	100,804	1.37%
VIBBank	VIB	1,500	47.8	6.81%	3.53%	1,034,247,601	5.55%	1,040,959,511	3.50%
DV Giải trí Hưng Thịnh Quy Nhơn	4101527110	1,327	23.6	10.54%	-3.67%	100,434	9.44%	101,813	7.41%
Thương Mại Du Lịch Lạc Hồng	5400259768	1,214	34.0	8.99%	0.00%	100,018,720	0.00%	101,188,152	0.00%
Phát triển Kinh doanh Xây dựng 3	108774834	1,152	48.8	6.40%	0.00%	111,455,134	0.00%	115,189,928	0.00%
Ngân hàng An Bình	ABB	1,113	28.6	8.11%	0.57%	1,011,620,567	-1.47%	1,011,620,567	-1.47%


# Danh sách Trái phiếu đáo hạn trong tháng 06/2024

Mã Trái phiếu	Tổ chức phát hành	Ngành	Giá trị phát hành (Tỷ VND)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn trái phiếu	Lãi suất Coupon (%)	Tài sản đảm bảo	Kiểu lãi suất coupon	Tình trạng trái phiếu
VDS12301	Chứng khoán Rồng Việt	Dịch vụ tài chính	699	20/06/2023	20/06/2024	1 Năm	10.00%	Không	Cố định	Bình thường
BID12241	BIDV	Ngân hàng	1,000	21/06/2022	21/06/2024	2 Năm	4.20%	Không	Cố định	Bình thường
HDB12105	HDBank	Ngân hàng	300	21/06/2021	21/06/2024	3 Năm	4.00%	Không	Cố định	Bình thường
VIC12101	VinGroup	Bất động sản	2,600	21/06/2021	21/06/2024	3 Năm	9.65%	Không	Kết hợp	Bình thường
PSI12302	Chứng khoán Dầu khí	Dịch vụ tài chính	24	21/06/2023	21/06/2024	1 Năm	9.00%	Không	Cố định	Bình thường
TPACH2024003	Thành phố Aqua	Bất động sản	600	22/06/2020	22/06/2024	4 Năm	8.18%	Không	Kết hợp	Bình thường
KHG12102	Tập đoàn Khải Hoàn Land	Bất động sản	300	22/12/2021	22/06/2024	42 tháng	13.50%	Có	Cố định	Bình thường
LHRCH2024004	BĐS Long Hưng Phát	Bất động sản	214	23/06/2020	23/06/2024	4 Năm	7.00%	Không	Kết hợp	Bình thường
BGG12101	Đầu tư Big Gain	Bất động sản	1,000	23/06/2021	23/06/2024	3 Năm	10.80%	Có	Kết hợp	Bình thường
VINHXUAN2020-01	Bất động sản Vĩnh Xuân	Bất động sản	400	24/06/2020	24/06/2024	4 Năm	11.50%	Không	Kết hợp	Bình thường
VCG12101	VINACONEX	Xây dựng và Vật liệu	2,500	25/06/2021	25/06/2024	3 Năm	10.50%	Có	Kết hợp	Bình thường
ITCH1924001	Becamex ITC	Bất động sản	500	17/06/2019	25/06/2024	5 Năm	10.40%	Không	Cố định	Bình thường
HDB12107	HDBank	Ngân hàng	2,000	25/06/2021	25/06/2024	3 Năm	4.00%	Không	Cố định	Bình thường
MBT062024	BĐS Cho thuê Minh Bảo Tín	Bất động sản	24	25/06/2020	25/06/2024	4 Năm	5.00%	Không	Cố định	Bình thường
NVL2020-01-350	Novaland	Bất động sản	350	26/06/2020	26/06/2024	4 Năm	8.90%	Không	Kết hợp	Bình thường
CII120018	Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM	Xây dựng và Vật liệu	500	28/12/2020	28/06/2024	42 tháng	9.98%	Không	Kết hợp	Bình thường
ACB12109	ACB	Ngân hàng	1,000	28/06/2021	28/06/2024	3 Năm	4.00%	Không	Cố định	Bình thường
NGOCMINH2019	Bất động sản Ngọc Minh	Bất động sản	1,300	28/06/2019	28/06/2024	5 Năm	9.15%	Không	Kết hợp	Bình thường
DCTCH2124001	DCT Partners Việt Nam	Bất động sản	2,000	28/06/2021	28/06/2024	3 Năm	10.00%	Có	Cố định	Bình thường
HDB12108	HDBank	Ngân hàng	2,000	28/06/2021	28/06/2024	3 Năm	4.00%	Không	Cố định	Bình thường
HLN12101	Bất động sản HTL Việt Nam	Bất động sản	800	29/06/2021	29/06/2024	3 Năm	7.30%	Có	Kết hợp	Bình thường
CPS12101	Mặt trời Cẩm Phả	Du lịch và Giải trí	446	29/06/2021	29/06/2024	3 Năm	13.15%	Có	Kết hợp	Bình thường
NVL2020-01-370	Novaland	Bất động sản	370	30/06/2020	30/06/2024	4 Năm	11.00%	Không	Kết hợp	Bình thường
TME12101	Mua Bán Nợ Thuận Minh	Dịch vụ tài chính	496	31/12/2021	30/06/2024	30 tháng	8.00%	Có	Kết hợp	Bình thường
NVL2020-01-460	Novaland	Bất động sản	460	30/06/2020	30/06/2024	4 Năm	8.90%	Không	Kết hợp	Bình thường
ACB12110	ACB	Ngân hàng	500	30/06/2021	30/06/2024	3 Năm	4.00%	Không	Cố định	Bình thường

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HD (HDS)

 [www.hdbs.vn](http://www.hdbs.vn)


### TRỤ SỞ CHÍNH

 23A-B Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đakao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

 +84 287 3076966

 +84 286 2838666


### CHI NHÁNH HÀ NỘI


 Tầng 5, 32 Trần Hưng Đạo, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

 +84 243 359 8866

 +84 243 351 8866

### PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÂN TÍCH

 [hdbs.vn/trung-tam-phan-tich](http://hdbs.vn/trung-tam-phan-tich)

 [research@hdbs.vn](mailto:research@hdbs.vn)

## TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Các thông tin về thị trường được cung cấp trên đây do Bộ phận Nghiên cứu và Phân tích thu thập từ các nguồn được coi là đáng tin cậy, tuy nhiên HDS không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các nguồn thông tin này. Các nhận định trong bản báo cáo này được đưa ra dựa trên cơ sở phân tích chi tiết và cẩn thận, theo đánh giá chủ quan của chúng tôi, là hợp lý trong thời điểm đưa ra báo cáo.

Việc cung cấp các thông tin này chỉ phục vụ mục đích tham khảo, HDS không chịu bất kỳ trách nhiệm nào về bất kỳ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng thông tin trên đây vào hoạt động kinh doanh. Các thông tin trên đây hoàn toàn có thể thay đổi theo diễn biến của thị trường và HDS không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Bản tin này là sản phẩm và tài sản của HDS. Mọi hành vi sao chép sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của HDS đều là trái luật.